

Bà và ông P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn do ông P không chung thủy nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Do bà với ông P chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên bà không đồng ý ly hôn. Con chung: Có ba người con chung như ông P trình bày, do các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung gồm có: Vợ chồng nhận chuyển nhượng một công đất tại ấp 10, xã Thới Bình, huyện Thới Bình và một chiếc xe hiệu Airblack mua năm 2014 giá 43.000.000 đồng. Về tài sản chung bà với ông P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc ông P yêu cầu ly hôn với bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ nhất, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông P và bà N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Đã trưởng thành có cuộc sống tự lập các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông P chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do ông P đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đinh Thùy N.

Áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lâm Văn P và bà Đinh Thùy N là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ngày 01/4/2021 ông P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014503 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn